

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 872/QĐ-ĐHSPKT, ngày 05 tháng 1 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật)

NGÀNH
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH: 7510104

Đà Nẵng, 08/2025

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Thông tin chung

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Công nghệ Kỹ thuật Giao thông
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Transportation Engineering Technology
3. Tên chuyên ngành:	Xây dựng Cầu đường
4. Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7510104
5. Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp PTTH hoặc tương đương
6. Thời gian đào tạo:	4,5 năm
7. Hình thức đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ yêu cầu:	159
9. Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng việt
10. Khoa quản lý:	Kỹ thuật Xây dựng
11. Thang điểm:	Thang điểm 4
12. Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: 1. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; 2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; 3. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; 4. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng; 5. Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương; 6. Đạt yêu cầu về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên bậc đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật; 7. Đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.
13. Văn bằng tốt nghiệp:	Kỹ sư
14. Vị trí việc làm:	Người học tốt nghiệp trình độ Kỹ sư ngành Công nghệ Kỹ thuật Giao thông có khả năng: - Làm việc tại các vị trí liên quan đến nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, thi công, khai thác, quản lý và quản trị trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông.

	- Tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
15. Khả năng nâng cao trình độ:	Sinh viên tốt nghiệp chương trình này có thể dự tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cùng ngành và các ngành gần
16. Chương trình đào tạo đối sánh:	- Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông - Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh - Kỹ thuật công trình Giao thông- Trường đại học Bách khoa Đà Nẵng - Kỹ thuật Công trình Giao thông - Trường Đại Học Xây Dựng Hà Nội
17. Ban hành:	Theo Quyết định số. <u>872</u> .../QĐ-ĐHSPKT, ngày <u>01</u> ... tháng <u>9</u> ... năm <u>2025</u> của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu ứng dụng công nghệ; có khả năng học tập suốt đời, khả năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc và có trách nhiệm nghề nghiệp; có sức khỏe, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

TT	Mục tiêu
O1	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
O2	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức về xây dựng các công trình giao thông
O3	Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu khoa học; kỹ năng nghiên cứu, phát triển, đổi mới sử dụng công nghệ; có khả năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp; kỹ năng phổ biến, truyền bá tri thức, tự định hướng, thích nghi với sự thay đổi.
O4	Có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; Có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả công tác.

1.3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra CTĐT
PLO1	Vận dụng các kiến thức liên ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, chính trị, kỹ thuật và công nghệ để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong lĩnh vực xây dựng công trình Giao thông.
PLO2	Tiến hành thí nghiệm, phân tích và giải thích dữ liệu, đánh giá và đưa ra các kết luận, đề xuất về sử dụng các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông.
PLO3	Thiết kế, tổ chức thi công, quản lý và điều hành được các dự án công trình giao thông để đáp ứng các yêu cầu cụ thể có quan tâm đến con người, môi trường, cộng đồng và các vấn đề toàn cầu.
PLO4	Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành và vận dụng linh hoạt các tiêu chuẩn, qui trình, công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông.
PLO5	Nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong các tình huống, giải pháp kỹ thuật.
PLO6	Có chiến lược học tập suốt đời và thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn để thích ứng với sự phát triển của lĩnh vực xây dựng công trình Giao thông.
PLO7	Có năng lực giao tiếp và thuyết trình bằng văn bản, lời nói, tài liệu kỹ thuật, đồ họa; sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.
PLO8	Hợp tác hiệu quả trong nhóm với vai trò thành viên để hoàn thành các nhiệm vụ kỹ thuật phức tạp.
PLO9	Có tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; kỹ năng quản trị, quản lý, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông.

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT bậc Kỹ sư:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
O1	X								
O2	X	X	X	X					
O3	X	X			X	X	X	X	X
O4					X		X	X	X

1.4. Cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất để làm việc tại các công ty tư vấn thiết kế, công ty xây lắp, các ban quản lý dự án, các sở, phòng quản lý đô thị, các đội thi công công trình giao thông, v.v.. cụ thể như sau:

- + Đơn vị thi công xây dựng: Kỹ sư kỹ thuật phụ trách tổ, đội thi công;
 - + Đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế: kỹ sư lập dự toán; kỹ sư thiết kế; kỹ sư khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, v.v..
 - + Đơn vị quản lý, điều hành xây dựng: Chỉ huy trưởng công trình, Kỹ sư quản lý, giám sát thi công; điều hành các dự án.
 - + Phòng thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình: kỹ sư thí nghiệm, v.v..
 - + Cán bộ giảng dạy các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, v.v..
- Mức lương trung bình của người học tốt nghiệp sau 1 năm: 10 triệu VNĐ

1.5. Tuyển sinh - điều kiện nhập học

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức được công bố trong đề án tuyển sinh hằng năm. Điểm xét tuyển là điểm của tổ hợp môn được công bố trong thông báo tuyển sinh. Thí sinh phải đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng tuyển sinh Đại học quy định, đồng thời đạt điểm chuẩn xét tuyển vào ngành do Hội đồng tuyển sinh công bố ở mỗi đợt xét tuyển.

1.6. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được triển khai theo học chế tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. Mỗi năm học có 2 học kỳ chính và một học kỳ hè. Số giờ lên lớp trung bình 20 tiết/tuần. Cách thức kiểm tra đánh giá được qui định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

1.7. Khả năng phát triển nghề nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội học lên bậc sau đại học: Thạc sĩ - Tiến sĩ;
- Sinh viên có khả năng học thêm ngành thứ 2;
- Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

1.8. Chiến lược giảng dạy - học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược

dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

+ Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.8.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

+ Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

+ Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay

thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.8.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment), dự án (Project) và nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team).

+ Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

+ Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

+ Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

+ Dự án (Project): Là phương pháp học trong đó giảng viên tổ chức cho sinh viên học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp từ các vấn đề mang tính chất kích thích người học tìm hiểu, khám phá. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài và liên môn, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình, và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án.

+ Nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.8.4. *Dạy học tương tác*

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm có phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Pear Learning).

+ Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

+ Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

+ Học nhóm (Pear Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.8.5. *Tự học*

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment). Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.8.6. *Dạy học trực tuyến*

Học tập trực tuyến (e-learning) là phương thức học tập trong đó sinh viên dùng các thiết bị kết nối Internet để có thể kết nối với giảng viên thông qua các công cụ dạy học thời gian thực, truy cập nguồn tài nguyên học tập được lưu trữ trên các nền tảng số.

Giảng viên tương tác từ xa và có thể gửi học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác cho người học thông qua các hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System).

E-learning với những ưu điểm trong dạy học làm thay đổi mạnh mẽ kỹ năng tự học của người học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đại, xây dựng các nội dung giảng dạy trực tuyến được phát triển theo hướng ngày càng tiếp cận gần hơn với người học.

1.9. Phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/ Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/ định kỳ (Summative Assessment).

1.9.1. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment) và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):

- + Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

- + Đánh giá bài tập (Work Assignment): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

- + Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1.9.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment):

+ Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

+ Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

+ Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

+ Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Khung chương trình dạy học

Số	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết (*)
			LT-BT	TH-TN-DA	Thực tập		HP học trước
							HP song hành (+)
1. Kiến thức Giáo dục Đại cương							
1.1. Các học phần bắt buộc							
1	5319002	Giải tích I	3	0	0	3	
2	5209008	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
3	5506027	Hình họa	2	0	0	2	
4	5209005	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	
5	5209006	Kinh tế chính trị	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
6	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
7	5211005	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	
8	5505251	Tin học cơ bản	1	1	0	2	
9	5506058	Toán ứng dụng	2	0	0	2	Giải tích I
10	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
11	5319005	Xác suất Thống kê	2	0	0	2	
12	5305001	Vật Lý Cơ - Điện	2	0	0	2	
13	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	0	0	1	
14	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	0	0	1	
15	5413008	Tiếng Anh A2.1	3	0	0	3	Tiếng Anh cơ bản (*)
16	5413009	Tiếng Anh A2.2	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.1
17	5413010	Tiếng Anh A2.3	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.2
18	5413011	Tiếng Anh B1.1	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.3
19	5413012	Tiếng Anh B1.2	2	0	0	2	Tiếng Anh B1.1
Tổng số tín chỉ tích lũy kiến thức đại cương tự chọn - bắt buộc						39	
1.2. Các học phần tự chọn tự do							
1	5413007	Tiếng Anh cơ bản	3	0	0	3	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy các học phần giáo dục đại cương						39	
1.3. Các học phần tích lũy Chứng chỉ thể chất & Chứng chỉ quốc phòng							
1	KD5502001	Giáo dục quốc phòng	0	0	8	8	
2	5013001	Giáo dục thể chất I	0	1	0	1	
3	5013002	Giáo dục thể chất II	0	1	0	1	
4	5013003	Giáo dục thể chất III	0	1	0	1	
5	5013004	Giáo dục thể chất IV	0	1	0	1	
2. Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp							
2.1. Các học phần cơ sở ngành - bắt buộc							
1	5504088	Cơ lý thuyết	2	0	0	2	
2	5506142	Cơ học kết cấu - Hệ tĩnh định	3	0	0	3	Sức bền vật liệu
3	5504040	Sức bền vật liệu	3	0	0	3	Cơ lý thuyết
4	5506046	Thí nghiệm cơ học	0	1	0	1	Sức bền vật liệu (+)

Số	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết (*)
			LT-BT	TH-TN-DA	Thực tập		HP học trước
							HP song hành (+)
5	5506011	Cơ học đất	2	0	0	2	Sức bền vật liệu
6	5506054	TN cơ học đất	0	1	0	1	Cơ học đất (+)
7	5506014	Địa chất công trình	1	1	0	2	Vật liệu xây dựng
8	5506029	Kết cấu bê tông cốt thép	3	0	0	3	Sức bền vật liệu
9	5506017	Đồ án Kết cấu BTCT	0	1	0	1	Kết cấu bê tông cốt thép (+)
10	5506033	Kết cấu thép	2	0	0	2	Sức bền vật liệu
11	5506040	Nền móng	2	0	0	2	Cơ học đất
12	5506021	Đồ án nền móng	0	1	0	1	Nền móng (+)
13	5506042	Nhập môn ngành XD	1	0	0	1	
14	5506059	Trắc địa xây dựng	2	0	0	2	Nhập môn ngành XD
15	5506250	Thực hành trắc địa	0	1	0	1	Trắc địa xây dựng (+)
16	5506060	Vật liệu xây dựng	2	0	0	2	
17	5506056	TN Vật liệu xây dựng	0	1	0	1	Vật liệu xây dựng (+)
18	5506061	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2	1	0	3	Hình họa
19	5506062	Vẽ xây dựng trên máy tính	1	1	0	2	Vẽ kỹ thuật xây dựng (+)
Tổng số tín chỉ tích lũy cơ sở ngành bắt buộc						35	
2.2. Các học phần chuyên ngành – bắt buộc							
1	5506121	Thủy văn	2	0	0	2	Nhập môn ngành XD
2	5506001	An toàn lao động	1	0	0	1	Thiết kế hình học đường ô tô
3	5506035	Kinh tế xây dựng	2	0	0	2	
4	5506251	Thiết kế cầu bê tông cốt thép	3	0	0	3	Kết cấu bê tông cốt thép
5	5506076	Đồ án thiết kế cầu BTCT	0	1	0	1	Thiết kế cầu bê tông cốt thép (+)
6	5506122	Tin học ứng dụng cầu	0	1	0	1	Thiết kế cầu bê tông cốt thép (+)
7	5506144	Thiết kế hình học đường ô tô	2	0	0	2	Vẽ xây dựng trên máy tính
8	5506079	Đồ án thiết kế hình học đường ô tô	0	1	0	1	Thiết kế hình học đường ô tô (+)
9	5506123	Tin học ứng dụng đường	0	1	0	1	Thiết kế hình học đường ô tô (+)
10	5506145	Thiết kế cầu thép	2	0,5	0	2,5	Kết cấu bê tông cốt thép
11	5506146	Thiết kế nền mặt đường	2	0,5	0	2,5	Thiết kế hình học đường ô tô
12	5506147	Thi công đường	3	0	0	3	Thiết kế nền mặt đường
13	5506148	Đồ án thi công đường	0	1,5	0	1,5	Thi công đường (+) Đồ án thiết kế hình học đường

Số	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết (*)
			LT-BT	TH-TN-DA	Thực tập		HP học trước
							HP song hành (+)
14	5506101	Thi công cầu	3	0	0	3	Thiết kế cầu bê tông cốt thép
15	5506149	Đồ án thi công cầu	0	1.5	0	1.5	Thi công cầu (+) Đồ án thiết kế cầu BTCT
16	5506129	Tổ chức và Quản lý Thi công	2	0	0	2	Thi công đường (+)
17	5506090	Khai thác và thí nghiệm đường	1	1	0	2	Thi công đường (+)
18	5506150	Khai thác và kiểm định cầu	1	1	0	2	Thi công cầu (+)
19	5506151	Giao thông đô thị và thiết kế đường phố	2	0	0	2	Thiết kế hình học đường ô tô
20	5506152	Chuyên đề ứng dụng BIM trong xây dựng	1	1	0	2	Vẽ xây dựng trên máy tính
21	5506041	Ngoại ngữ chuyên ngành XD	2	0	0	2	Nhập môn ngành XD
22	5506153	Dự toán công trình xây dựng	1	1	0	2	Kết cấu bê tông cốt thép
23	5506253	Thực tập kỹ thuật XC	0	0	4	4	Thực tập nhận thức XC
24	5506252	Thực tập nhận thức XC	0	0	1	1	Nhập môn ngành XD
25	5506154	Học kỳ doanh nghiệp XC	0	0	3	3	Thực tập kỹ thuật XC
Tổng số tín chỉ tích lũy bắt buộc học phần chuyên ngành						50	
2.3. Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành - tự chọn bắt buộc 2 TC							
1	5506262	TN hiện trường công trình đường	1	1	0	1	
2	5506038	Luật xây dựng	1	0	0	1	
3	5506010	Chuyên đề vật liệu xây dựng	1	0	0	1	Vật liệu xây dựng
4	5506155	Phân tích kết cấu công trình cầu	0	1	0	1	Tin học ứng dụng cầu
5	5506156	Thiết kế và thi công công trình đường ô tô	2	0	0	2	Thiết kế hình học đường ô tô
Tổng số tín chỉ tích lũy tự chọn bắt buộc phần chuyên nghiệp						2	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy phần giáo dục chuyên nghiệp						87	
2.4 Các học phần chuyên ngành kỹ sư							
2.4.1. Các học phần chuyên ngành kỹ sư - bắt buộc							
1	5506157	Mổ trụ cầu	2	0	0	2	Thiết kế cầu bê tông cốt thép
2	5506158	Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn	0	0	0	2	Thiết kế cầu bê tông cốt thép
3	5506159	Đồ án Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn	0	1	0	1	Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn (+)
4	5506160	Thực tập khảo sát và thiết kế đường	0	0	1	1	Thiết kế hình học đường ô tô

Số	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết (*)
			LT-BT	TH-TN-DA	Thực tập		HP học trước
							HP song hành (+)
5	5506161	Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt	0	0	0	2	Thiết kế nền mặt đường
6	5506162	Đồ án Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt	2	1	0	1	Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt (+)
7	5506163	Quản lý dự án công trình giao thông	2	0	0	2	Thiết kế cầu bê tông cốt thép
8	5506164	Chuyên đề Thiết kế và thi công cọc khoan nhồi	2	0	0	2	Thi công cầu
9	5506165	Ngoại ngữ chuyên ngành nâng cao	2	0	0	2	Ngoại ngữ chuyên ngành XD
10	5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	2	0	0	2	Tổ chức và Quản lý Thi công
11	5502010	Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp	0	0	0	2	Tổ chức và Quản lý Thi công
12	5506166	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư XC	0	12	0	12	Đồ án thiết kế hình học đường ô tô (*) ĐA TK cầu BTCT (*)
Tổng số tín chỉ tích lũy bắt buộc phần chuyên ngành kỹ sư						31	
2.4.2. Các học phần chuyên ngành kỹ sư - tự chọn bắt buộc 2TC							
1	5506167	Quản lý giao thông đô thị bền vững	2	0	0	2	Giao thông đô thị và thiết kế đường phố
2	5506168	Môi trường và phát triển bền vững	2	0	0	2	
3	5506169	Sức khỏe công trình	2	0	0	2	Khai thác và kiểm định cầu
Tổng số tín chỉ tích lũy tự chọn bắt buộc phần chuyên ngành kỹ sư						2	
Tổng số tín chỉ tích lũy học phần chuyên ngành Kỹ sư						33	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy phần giáo dục chuyên nghiệp Kỹ sư						120	
Tổng số tín chỉ CTĐT kỹ sư						159	

2.2 Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Phân bố học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09
1	2	5319002	Giải tích I	I	-	-	-	-	-	-	I	-
2	4	5209008	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	I	-	-	-	I	-	-	-	-
3	1	5506027	Hình họa	I	-	-	-	-	-	-	-	-
4	1	5209005	Triết học Mác-Lênin	I	-	-	-	I	-	-	-	-
5	3	5209006	Kinh tế chính trị	I	-	-	-	I	-	-	-	-
6	4	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I	-	-	-	I	-	-	-	-
7	1	5211005	Pháp luật đại cương	I	-	-	-	I	-	-	-	-
8	2	5505251	Tin học cơ bản		-	-	-	-	-	I	I	-
9	3	5506058	Toán ứng dụng	R	-	-	R	-	-	I	I	-
10	6	5209004	Tư tưởng Hồ Chí minh	I	-	-	-	I	-	-	-	-
11	3	5319005	Xác suất Thống kê	R	-	-	I	-	-	-	-	-
12	4	5305001	Vật Lý Cơ - Điện	R	-	-	-	I	-	R	R	-
13	1	5502003	Kỹ năng giao tiếp	-	-	-	-	-	-	I	-	-
14	2	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	-	-	-	-	-	-	-	I	-
15	1	5413008	Tiếng Anh A2.1	-	-	-	-	I	-	I	-	-
16	2	5413009	Tiếng Anh A2.2	-	-	-	-	I	-	I	-	-
17	3	5413010	Tiếng Anh A2.3	-	-	-	-	I	-	I	-	-
18	4	5413011	Tiếng Anh B1.1	-	-	-	-	I	-	R	-	-
19	5	5413012	Tiếng Anh B1.2	-	-	-	-	I	-	R	-	-

STT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09
20	1	5413007	Tiếng Anh cơ bản	-	-	-	-	I	-	I	-	-
21	1	KD5502001	Giáo dục quốc phòng	-	-	-	-	I	-	-	-	-
22	1	5013001	Giáo dục thể chất I	-	-	-	-	I	-	-	-	-
23	2	5013002	Giáo dục thể chất II	-	-	-	-	I	-	-	-	-
26	3	5013003	Giáo dục thể chất III	-	-	-	-	I	-	-	-	-
27	4	5013004	Giáo dục thể chất IV	-	-	-	-	I	-	-	-	-
28	1	5504088	Cơ lý thuyết	R	-	I	-	-	-	-	-	-
29	3	5506142	Cơ học kết cấu - Hệ tĩnh định	M	-	-	-	-	-	-	R	-
30	2	5504040	Sức bền vật liệu	R	-	-	-	-	-	-	-	-
31	2	5506046	Thí nghiệm cơ học	I	R	-	-	R	-	-	R	-
32	3	5506011	Cơ học đất	R	-	-	-	-	R	-	R	-
33	3	5506054	TN cơ học đất	I	R	-	I	-	-	-	R	-
34	2	5506014	Địa chất công trình	M	-	-	-	-	-	R	-	-
35	3	5506029	Kết cấu bê tông cốt thép	R	-	R	-	-	-	R	-	-
36	3	5506017	Đồ án Kết cấu BTCT	R	-	-	-	I	-	R	-	-
37	4	5506033	Kết cấu thép	I	-	I	-	-	-	-	-	-
38	4	5506040	Nền móng	M	-	R	-	-	R	-	-	-
39	4	5506021	Đồ án nền móng	R	-	R	-	-	R	-	R	-
40	1	5506042	Nhập môn ngành XD	R	-	-	-	-	I	-	R	-
41	4	5506059	Trắc địa xây dựng	M	-	R	-	-	-	-	-	-

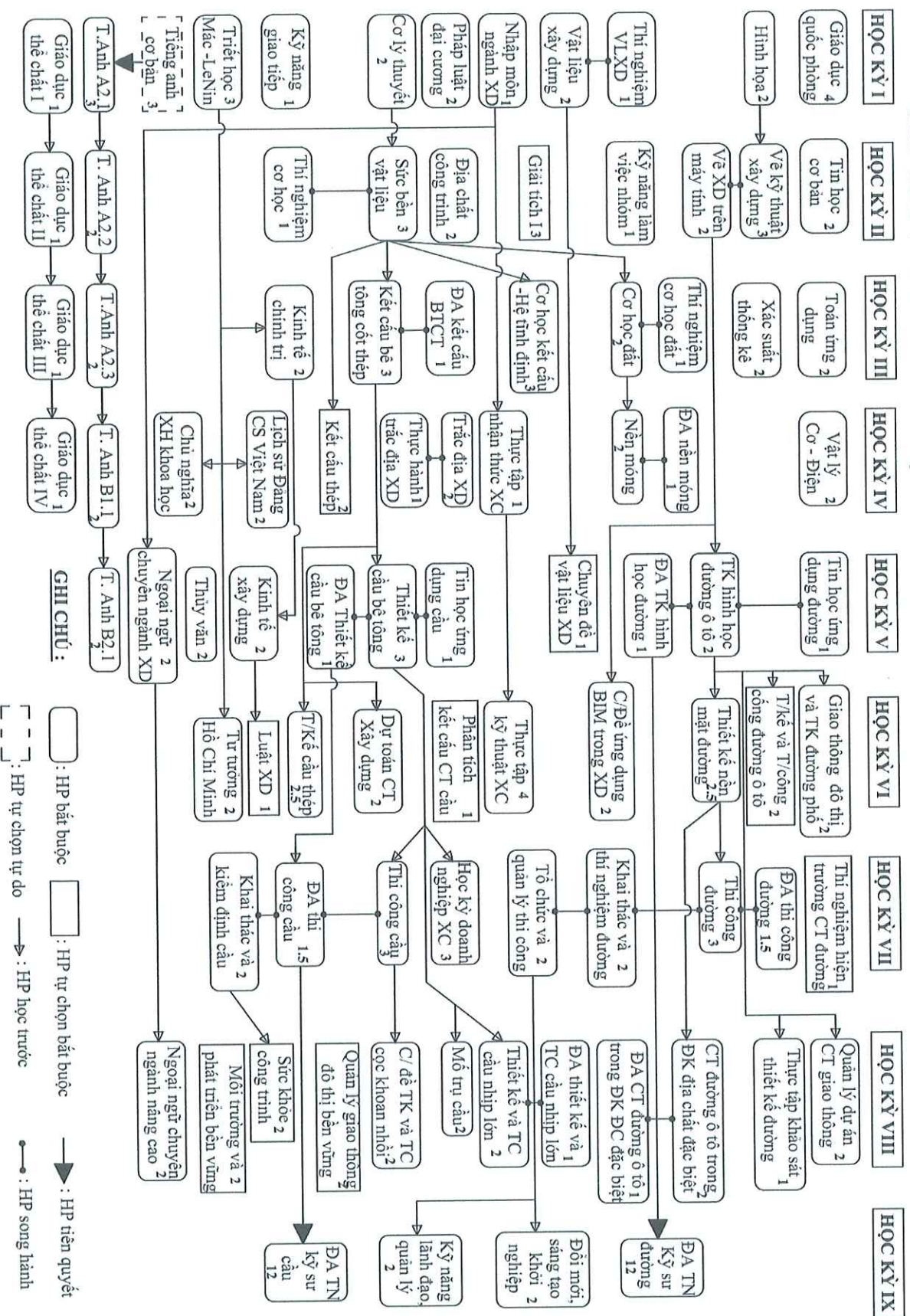
STT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO9
42	4	5506250	Thực hành trắc địa	-	M	-	-	M	-	-	R	-
43	1	5506060	Vật liệu xây dựng	R	-	-	M	M	R	-	-	R
44	1	5506056	TN Vật liệu xây dựng	-	R	-	-	-	-	-	-	-
45	2	5506061	Vẽ kỹ thuật xây dựng	-	-	-	-	-	-	I	-	-
46	2	5506062	Vẽ xây dựng trên máy tính	R	-	-	R	R	-	R	-	-
46	5	5506121	Thủy văn	M	-	-	R	-	R	-	-	-
46	5	5506035	Kinh tế xây dựng	M	-	R	-	-	-	-	-	-
49	7	5506001	An toàn lao động	M	-	-	-	M	-	-	-	-
50	5	5506251	Thiết kế cầu bê tông cốt thép	-	-	M	M	M	M	-	-	R
51	5	5506076	Đồ án thiết kế cầu BTCT	-	-	M	M	R	R	R	-	-
52	5	5506122	Tin học ứng dụng cầu	R	-	R	R	-	-	R	-	-
53	5	5506144	Thiết kế hình học đường ô tô	R	-	-	M	-	R	-	-	R
54	5	5506079	Đồ án thiết kế hình học đường ô tô	R	-	M	M	-	-	M	-	R
55	5	5506123	Tin học ứng dụng đường	-	-	R	R	-	R	R	-	-
56	6	5506145	Thiết kế cầu thép	R	-	M	-	-	R	-	-	-
57	6	5506146	Thiết kế nền mặt đường	R	-	M	M	-	M	-	-	-
58	7	5506147	Thi công đường	M	-	R	M	M	M	-	-	-
59	7	5506148	Đồ án thi công đường	M	-	M	-	-	R	R	-	M
60	7	5506101	Thi công cầu	M	-	-	M	-	M	-	-	-
61	7	5506149	Đồ án thi công cầu	M	-	M	M	M	-	-	-	-

STT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL0 6	PL0 7	PL0 8	PL0 9
62	7	5506129	Tổ chức và Quản lý Thi công	R	-	R	-	-	-	-	-	R
63	7	5506090	Khai thác và thí nghiệm đường	-	M	-	M	M	R	-	-	M
64	7	5506150	Khai thác và kiểm định cầu	R	R	R	R	-	-	-	-	-
65	6	5506151	Giao thông đô thị và thiết kế đường phố	M	-	-	R	-	M	M	-	R
66	6	5506152	Chuyên đề ứng dụng BIM trong xây dựng	M	-	R	M	-	-	-	-	-
67	5	5506041	Ngoại ngữ chuyên ngành XD	-	-	-	-	-	-	R	-	-
68	6	5506153	Dự toán công trình xây dựng	M	-	-	R	M	-	-	-	-
69	6	5506253	Thực tập kỹ thuật XC	-	R	R	-	M	-	M	M	-
70	5	5506252	Thực tập nhận thức XC	I	-	-	R	-	I	R	-	-
71	7	5506154	Học kỳ doanh nghiệp XC	M	-	R	-	M	M	M	M	I
72	7	5506262	Thí nghiệm hiện trường công trình đường	-	M	-	-	-	R	M	R	-
73	6	5506038	Lưới xây dựng	M	-	-	M	-	-	-	-	-
74	5	5506010	Chuyên đề vật liệu xây dựng	R	M	M	-	-	R	-	-	-
75	6	5506155	Phân tích kết cấu công trình cầu	-	-	R	R	-	-	-	-	-
76	6	5506156	Thiết kế và thi công công trên đường ô tô	M	-	R	-	-	R	-	-	-
77	8	5506157	Mổ trụ cầu	M	-	R	M	-	M	-	-	-
78	8	5506158	Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn	R	-	R	M	-	R	-	R	R

STT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL0 6	PL0 7	PL0 8	PL0 9
79	8	5506159	Đồ án Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn	M	-	M	M	-	M			M
80	8	5506160	Thực tập khảo sát và thiết kế đường	R	R		M	M	-	-	R	-
81	8	5506161	Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt	M	R	-	-	-	R	-	R	-
82	8	5506162	Đồ án Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt	R	-	R	-	-	-	R	-	M
83	8	5506163	Quản lý dự án công trình giao thông	R	-	-	M	-	-	-	-	M
84	8	5506164	Chuyên đề Thiết kế và thi công cọc khoan nhồi	M	-	R	R	-	R	-	-	-
85	8	5506165	Ngoại ngữ chuyên ngành năng cao	-	-	-	-	-	-	M	R	-
86	9	5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	M	-	-	-	-	-	-	-	M
87	9	5502010	Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp	R	-	R	-	-	-	-	-	M
88	9	5506166	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư XC	-	-	M	-	R	M	M	-	M
89	8	5506167	Quản lý giao thông đô thị bền vững	M	-	M	M	-	M	-	M	-
90	8	5506168	Môi trường và phát triển bền vững	R	-	R	-	-	-	M	-	-
91	8	5506169	Sức khỏe công trình	R	-	R	-	-	-	-	-	-

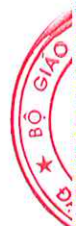
2.3. Cây chương trình

CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG K2025



2.4. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
1	5506027	Hình họa	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5413008	Tiếng Anh A2.1	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5209005	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5211005	Pháp luật đại cương	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	Học phần bắt buộc - kỹ năng mềm
	5413007	Tiếng Anh cơ bản	3	Học phần tự chọn tự do
	KD5502001	Giáo dục quốc phòng	4	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5013001	Giáo dục thể chất I	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5504088	Cơ lý thuyết	2	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506042	Nhập môn ngành XD	1	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506060	Vật liệu xây dựng	2	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506056	TN Vật liệu xây dựng	1	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
2	5319002	Giải tích I	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5413009	Tiếng Anh A2.2	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505251	Tin học cơ bản	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	Học phần bắt buộc - kỹ năng mềm
	5013002	Giáo dục thể chất II	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5504040	Sức bền vật liệu	3	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506046	Thí nghiệm cơ học	1	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506061	Vẽ kỹ thuật xây dựng	3	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506062	Vẽ xây dựng trên máy tính	2	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506014	Địa chất công trình	2	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
3	5413010	Tiếng Anh A2.3	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5209006	Kinh tế chính trị	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5506058	Toán ứng dụng	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5319005	Xác suất Thống kê	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5013003	Giáo dục thể chất III	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5506142	Cơ học kết cấu - Hệ tĩnh định	3	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506011	Cơ học đất	2	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506054	TN cơ học đất	1	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506029	Kết cấu bê tông cốt thép	3	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506017	Đồ án Kết cấu BTCT	1	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
4	5209008	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5305001	Vật Lý Cơ - Điện	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5413011	Tiếng Anh B1.1	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5013004	Giáo dục thể chất IV	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5506033	Kết cấu thép	2	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	5506040	Nền móng	2	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506021	Đồ án nền móng	1	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506059	Trắc địa xây dựng	2	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506250	Thực hành trắc địa	1	Học phần bắt buộc - cơ sở ngành
	5506252	Thực tập nhận thức XC	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
5	5413012	Tiếng Anh B1.2	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5506121	Thủy văn	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506035	Kinh tế xây dựng	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506079	Đồ án thiết kế hình học đường ô tô	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506123	Tin học ứng dụng đường	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506144	Thiết kế hình học đường ô tô	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506251	Thiết kế cầu bê tông cốt thép	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506076	Đồ án thiết kế cầu BTCT	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506122	Tin học ứng dụng cầu	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506041	Ngoại ngữ chuyên ngành XD	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506010	Chuyên đề vật liệu xây dựng	1	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
6	5506153	Dự toán công trình xây dựng	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506145	Thiết kế cầu thép	2,5	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506146	Thiết kế nền mặt đường	2,5	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506253	Thực tập kỹ thuật XC	4	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506151	Giao thông đô thị và thiết kế đường phố	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506038	Luật xây dựng	1	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5506155	Phân tích kết cấu công trình cầu	1	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5506152	Chuyên đề ứng dụng BIM trong xây dựng	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506156	Thiết kế và thi công công trên đường ô tô	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần bắt buộc - đại cương
7	5506001	An toàn lao động	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506149	Đồ án thi công cầu	1,5	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506148	Đồ án thi công đường	1,5	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506090	Khai thác và thí nghiệm đường	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506150	Khai thác và kiểm định cầu	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506101	Thi công cầu	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506147	Thi công đường	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5506129	Tổ chức và Quản lý Thi công	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	5506262	TN hiện trường công trình đường	1	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5506154	Học kỳ doanh nghiệp XC	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
8	5506157	Mô trụ cầu	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506158	Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506159	Đồ án Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506160	Thực tập khảo sát và thiết kế đường	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506161	Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506162	Đồ án Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506163	Quản lý dự án công trình giao thông	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506164	Chuyên đề Thiết kế và thi công cọc khoan nhồi	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506165	Ngoại ngữ chuyên ngành nâng cao	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư
	5506167	Quản lý giao thông đô thị bền vững	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành kỹ sư
	5506168	Môi trường và phát triển bền vững	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành kỹ sư
	5506169	Sức khỏe công trình	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành kỹ sư
9	5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	2	Học phần bắt buộc - kỹ năng mềm
	5502010	Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp	2	Học phần bắt buộc - kỹ năng mềm
	5506166	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư XC	12	Học phần bắt buộc - chuyên ngành kỹ sư

2.5. Mô tả tóm tắt các học phần

Cơ lý thuyết

Học phần Cơ học lý thuyết cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cân bằng và chuyển động của vật thể, hệ vật thể, làm cơ sở để tiếp thu những học phần cơ sở và chuyên ngành khác của lĩnh vực cơ khí và xây dựng công trình.

Sức bền vật liệu

Sức bền vật liệu là môn học kỹ thuật cơ sở, cung cấp cho sinh viên những khái niệm, kiến thức và công thức cần thiết nhất để tính toán độ bền, độ cứng của các chi tiết hay các bộ phận công trình có dạng hình thanh trong các trường hợp chịu lực thường gặp trong thực tế.

Thí nghiệm cơ học

Thí nghiệm cơ học là môn học cơ sở ngành giảng dạy cho sinh viên các ngành kỹ thuật. Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành xây dựng các kiến thức, kỹ năng cơ bản về thí nghiệm tính chất cơ lý của kim loại. Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng xử lý số liệu thực nghiệm nhằm xác định gần đúng các đại lượng đặc trưng cơ học.

Cơ học kết cấu – Hệ tĩnh định

Cơ học kết cấu – hệ tĩnh định là môn kỹ thuật cơ sở nhằm trang bị cho kỹ sư và sinh viên thuộc các ngành xây dựng cơ bản những kiến thức cần thiết để giải các bài toán có liên quan đến các khâu từ thiết kế đến thi công và để nghiên cứu các môn kỹ thuật khác của chuyên ngành.

Cơ học đất

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tính chất của đất, các đặc điểm về khả năng chịu lực của đất và tính toán cơ học của đất nhằm đảm bảo khả năng chịu lực của nền đất giúp ổn định công trình. Học phần này là cơ sở nền tảng cho học phần Nền móng và có tính ứng dụng thực tiễn cao.

Thí nghiệm Cơ học đất

Học phần giúp sinh viên thực hành cách nhận dạng các loại đất tự nhiên, xác định những chỉ tiêu cơ lý của đất ở trong phòng thí nghiệm và ở ngoài hiện trường phục vụ cho công tác thiết kế nền móng như: dung trọng tự nhiên, độ ẩm của đất, trọng lượng riêng hạt đất, xác định thành phần hạt đất, lực dính, góc ma sát trong của đất và các giới hạn Atterberg.

Địa chất công trình

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Địa chất Khoáng thạch, Địa chất kiến trúc, Nước dưới đất, các quy luật vận động nước dưới đất; kiến thức về các hoạt động địa chất công trình giúp người học nắm vững các kiến thức, phân tích những hoạt động địa chất đang diễn ra nhằm giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến công trình xây dựng. Thiết lập báo cáo khảo sát địa chất công trình.

Vật liệu xây dựng

Vật liệu xây dựng là một môn khoa học nghiên cứu những đặc điểm, tính chất cơ lý, những phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng phổ biến. Đây là môn học cơ sở của các ngành xây dựng.

Thí nghiệm vật liệu XD

Học phần củng cố kiến thức lý thuyết học phần Vật liệu xây dựng, nâng cao kỹ năng thực hành thí nghiệm vật liệu xây dựng thông qua các bài thí nghiệm xác định những tính chất cơ lý của một số vật liệu xây dựng cơ bản như: Gạch đất sét nung; Cát; Đá; Xi măng; Bê tông; Vữa xi măng; Bitum; Bê tông nhựa; ...

Nhập môn ngành XD

Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết ban đầu về các khía cạnh cơ bản của Xây dựng và các lĩnh vực hoạt động trong ngành Xây dựng nhằm đạt được mục đích ý nghĩa là “nhập môn” cho sinh viên thuộc các chuyên ngành về Xây dựng. Ngoài ra học phần này còn giúp sinh viên chuẩn bị kế hoạch học tập và các kỹ năng cần thiết để đạt kết quả học tập tốt nhất; tạo sự thích thú học tập và say mê nghiên cứu giúp cho sinh viên yêu thích ngành nghề xây dựng và đạt kết quả học tập tốt nhất.

Học kỳ doanh nghiệp XC

Giúp sinh viên làm quen với môi trường sản xuất của ngành xây dựng, tiếp cận với các hạng mục đang được thi công, tham quan thực tế công nghệ sản xuất, tìm hiểu về tổ chức sản xuất xây dựng và công tác thiết kế các công trình xây dựng. Trong thời gian thực tập, học viên được vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế, chuẩn bị để đảm nhận được công việc của một kỹ thuật viên xây dựng trong tương lai. Ngoài ra sinh viên còn có thể thực tập tại các công ty tư vấn thiết kế xây dựng. Quá trình tham gia học kỳ doanh nghiệp sinh viên có thể kết hợp thực hiện đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và cán bộ kỹ thuật tại đơn vị thực tập. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên được Nhà trường và Doanh nghiệp cấp giấy chứng nhận đã tham gia học kỳ doanh nghiệp.

Kết cấu bê tông cốt thép

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tính chất cơ lý của vật liệu, sự làm việc của kết cấu bê tông cốt thép, nguyên tắc cấu tạo và tính toán các cấu kiện bê tông cốt thép cơ bản (chịu uốn, nén, kéo, xoắn) theo tiêu chuẩn TCVN 5574:2018. Học xong học phần này, sinh viên sẽ biết tính toán được các cấu kiện bê tông cốt thép cơ bản, thiết kế được hệ dầm sàn phẳng bê tông cốt thép toàn khối và biết vận dụng được kiến thức đã học vào chuyên môn và thực tiễn.

Đồ án kết cấu BTCT

Học phần này yêu cầu sinh viên vận dụng các kiến thức của học phần Kết cấu Bê tông cốt thép để tính toán thiết kế hệ sàn sườn toàn khối theo tiêu chuẩn TCVN 5574:2018. Học xong học phần này, sinh viên được rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành tính toán thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép, biết chọn tiết diện dầm và độ dày sàn; biết bố trí cốt thép các bộ phận dầm sàn, biết tính toán cấu tạo cốt thép (uốn, neo, nối và cắt cốt thép), biết thể hiện một bản vẽ thi công bê tông cốt thép và thống kê các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

Nền móng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc chung khi thiết kế nền và móng công trình, trình tự tính toán thiết kế các loại móng nông

thường gặp, móng cọc đài thấp, móng cọc đài cao, các giải pháp xử lý và gia cố nền đất khi xây dựng công trình để đảm bảo công trình được ổn định.

Đồ án nền móng

Học phần này giúp người học hệ thống kiến thức các môn học địa chất công trình, cơ học đất, nền móng và áp dụng vào tính toán thiết kế nền móng cho công trình thực tế. Giúp người học tiếp cận với các vấn đề ứng dụng và là cơ sở để hình thành tố chất người Kỹ sư. Đây là học phần chuyên ngành nền tảng trong khối kiến thức chuyên ngành công nghệ và kỹ thuật xây dựng, giúp người học tính toán được các phương án móng khác nhau.

Ngoại ngữ chuyên ngành XD

Học phần Ngoại ngữ chuyên ngành xây dựng cung cấp cho sinh viên các chuyên ngành xây dựng vốn từ vựng cần thiết, các mẫu câu và ngữ pháp thông dụng dùng trong trao đổi, trình bày các nội dung chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng.

An toàn lao động

Đề cập đến những khái niệm cơ bản liên quan đến lao động và an toàn, vệ sinh trong xây dựng; các vấn đề liên quan đến pháp luật bảo hộ lao động; đi sâu vào vấn đề giữ gìn môi trường làm việc, kỹ thuật an toàn trong một số công tác xây dựng chính và về phòng cháy chữa cháy.

Luật xây dựng

Luật xây dựng là học phần bổ sung cho sinh viên những kiến thức về hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và Luật xây dựng nói riêng để biết cách tra cứu, xử lý các tình huống liên quan đến công việc sau này, đồng thời hỗ trợ cho sinh viên tiếp cận cách học tập và làm chủ kiến thức.

Dự toán công trình xây dựng

Dự toán xây dựng là môn chuyên ngành, giúp sinh viên hiểu được quy trình, phương thức, cách thức, văn bản hướng dẫn bóc khối lượng, lập đơn giá, lập dự toán xây dựng công trình và ứng dụng vào việc đo bóc khối lượng công trình, lập dự toán công trình thực tế.

Thực tập kỹ thuật XC

Học phần giúp sinh viên thực hiện được các công tác lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn; công tác gia công nắn, cắt, uốn cốt thép; công tác vệ sinh cốt thép; công tác lắp đặt cốt thép và công tác thi công bê tông cho một số hạng mục công trình cầu, đường

Thực tập nhận thức XC

Thực tập nhận thức Cầu đường cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về môi trường thực tế sản xuất của ngành, tiếp cận với các hạng mục công việc, tham quan thực tế công nghệ, tìm hiểu về tổ chức sản xuất thiết kế và xây dựng công trình tại các công trình tiêu biểu ở một số địa phương ở miền Trung và Tây Nguyên.

Trắc địa xây dựng

Trắc địa công trình cần thiết cho tất cả các giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công và sử dụng công trình. Do đó học phần trắc địa là một học phần chuyên ngành quan trọng không thể thiếu được trong chương trình đào tạo kỹ thuật viên xây dựng. Các chủ đề trọng tâm của học phần: Kiến thức tổng quan về môn học trắc địa; Nguyên tắc cấu tạo các máy móc và dụng cụ trắc địa thông dụng; Đo vẽ bình đồ, mặt cắt địa hình, và bố trí công trình.

Thực hành trắc địa

Giúp cho học viên hiểu sâu kiến thức lý thuyết trong môn học Trắc địa và có thể trực tiếp đo vẽ bản đồ hoặc bố trí công trình sau khi ra trường. Nội dung chính của học phần gồm: Cấu tạo của máy móc và dụng cụ trắc địa; Sử dụng các máy móc và dụng cụ trắc địa thông dụng để đo các yếu tố cơ bản, đo và tính toán bình sai lưới khống chế, đo vẽ bình đồ.

Toán ứng dụng

Tính toán là nền tảng cho các học phần chính trong mọi chương trình đào tạo chuyên ngành công nghệ, kỹ thuật. Dựa trên phần mềm toán Mathcad, Toán ứng dụng kế thừa các kiến thức đã học trong chương trình toán phổ thông và Đại số tuyến tính để dễ dàng thực hiện các phép tính, nối kết chúng thành những bài toán, thành những chương trình. Toán ứng dụng phục vụ đắc lực trong việc học tập, nghiên cứu các học phần tiếp theo thuộc cơ sở ngành và chuyên ngành.

Vẽ kỹ thuật xây dựng

Học phần này giới thiệu các khái niệm cơ bản, các tiêu chuẩn xây dựng, các thành phần và trình tự thể hiện, ... của việc lập bản vẽ kỹ thuật xây dựng. Từ đó giúp cho sinh viên có khả năng đọc, hiểu và vẽ bằng tay các loại bản vẽ kỹ thuật trong ngành xây dựng.

Vẽ xây dựng trên máy tính

Trong kiến trúc và xây dựng, phần mềm Autocad là một ứng dụng vẽ kỹ thuật phổ biến nhất. Vì thế, những hiểu biết và khả năng ứng dụng những tiện ích do phần mềm ACAD mang lại thực sự là một yêu cầu cần thiết, giúp cho việc hoàn thành quá trình thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật đạt hiệu quả. Các chủ đề trọng tâm của học phần: Các lệnh vẽ cơ bản; Các lệnh vẽ nhanh; Tạo và hiệu chỉnh kích thước, ...

Kinh tế xây dựng

Cung cấp cho sinh viên ngành xây dựng mảng kiến thức quan trọng về kinh tế và quản lý trong xây dựng. Nội dung chính của học phần gồm: quản lý Nhà nước về kinh tế đối với ngành xây dựng; phân tích dự án đầu tư; các phương pháp đánh giá các phương án kỹ thuật về mặt kinh tế, các kiến thức về lựa chọn nhà thầu, thiết kế trong xây dựng, hợp đồng xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng. Ngoài ra học phần này trang bị

cho người học những kiến thức cơ bản về thanh toán, quyết toán trong xây dựng và nắm rõ hồ sơ quyết toán công trình gồm những gì để đảm bảo hồ sơ pháp lý đúng theo quy định.

Thủy văn

Môn học Thủy văn công trình cung cấp cho người học phương pháp cơ bản về thu thập, đo đạc và phân tích tính toán các yếu tố lượng mưa, khí tượng thủy văn, lưu lượng và mực nước tính toán để thiết kế khẩu độ thoát nước công trình cầu, cống, cao độ nền đường và các công trình giao thông khác

Chuyên đề vật liệu xây dựng

Học phần giúp sinh viên hiểu được các tính chất của loại vật liệu mới như tro bay, xỉ lò cao, muối silic và bê tông cường độ cao. phương pháp thiết kế thành phần bê tông cường độ. Từ đó sinh viên có thể thực hiện việc tính toán cường độ yêu cầu của bê tông và xác định các thành phần của bê tông ứng với cường độ yêu cầu đã có

Ứng dụng BIM trong XD

Trang bị các phần mềm tính toán, thiết kế mới trong các công trình xây dựng.

Thiết kế hình học đường ô tô

Các nguyên lý và PP khảo sát, thiết kế bình đồ, trắc dọc, trắc ngang của tuyến đường và các công trình trên đường, để tạo tuyến đường an toàn, êm thuận và kinh tế. Đồng thời cung cấp những căn cứ để nghiên cứu lập dự án khả thi lựa chọn PA cho 1 tuyến đường ô tô.

Thiết kế nền mặt đường

Đây là học phần chuyên ngành, nghiên cứu các nguyên lý, phương pháp thiết kế công trình trên đường, thiết kế cấu tạo kết cấu áo đường và đánh giá hiệu quả phương án đầu tư

Tổ chức và quản lý thi công

Học phần trang bị cho người học kiến thức quan trọng về các phương pháp tổ chức và quản lý thi công cho một công trình cầu, đường để người học có thể thiết kế các biện pháp thi công, triển khai và quản lý việc thi công thực tế ngoài công trường xây dựng cầu đường

Thi công đường

Học phần giúp sinh viên hiểu được trình tự, công nghệ thi công và tổ chức thi công một tuyến đường ô tô, từ công tác chuẩn bị thi công đến công tác thi công các công trình thoát nước nhỏ, thi công nền đường, các lớp móng mặt đường và các lớp vật liệu mặt đường.

Thiết kế và thi công cống trên đường ô tô

Học phần giúp sinh viên hiểu được trình tự khảo sát, thiết kế và thi công một công trình cống trên đường ô tô, từ việc xác định vị trí của cống trên bình đồ, trên trắc dọc,

chọn loại cống, xác định khẩu độ cống, thiết kế cấu tạo cống, tính toán kết cấu cống, tính toán xói lở và chọn hình thức gia cố hạ lưu, ... cho đến công tác chuẩn và thi công một công trình cống.

Thiết kế cầu bê tông cốt thép

Thiết kế Cầu Bê tông cốt thép là một trong số những học phần chuyên ngành quan trọng nhất của SV ngành công nghệ Kỹ thuật Giao thông, giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm, cấu tạo các bộ phận Công trình cầu cũng như nguyên tắc tính toán thiết kế và kiểm tra công trình cầu bê tông cốt thép theo tiêu chuẩn hiện hành.

Thiết kế cầu thép

Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về sự làm việc của vật liệu thép cùng với các tính chất cơ lý của nó. Trang bị cho sinh viên các hệ thống cơ bản của cầu thép, cấu tạo các bộ phận trong cầu thép. Sinh viên nắm được cấu tạo và thiết kế các dạng cầu thông dụng như cầu dầm thép, dầm thép liên hợp với bản bê tông cốt thép.

Thi công cầu

Cung cấp kiến thức cho sinh viên kiến thức cơ bản các phương pháp thi công kết cấu cầu, các nguyên tắc tính toán thiết kế các bộ phận phục vụ trong thi công, một số quy định cơ bản trong tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm thiết kế cầu. Cùng với môn học này, sinh viên phải hoàn thành một đồ án môn học về tính toán thiết kế tổ chức thi công một bộ phận trong công trình cầu.

Đồ án thiết kế hình học đường ô tô

Học phần giúp cho SV vận dụng các kiến thức lý thuyết vào thực hành tính toán, thiết kế một tuyến đường ô tô thông thường từ việc xác định qui mô, tính toán lựa chọn các chỉ tiêu kỹ thuật, thiết kế bình đồ, trắc dọc, trắc ngang, tính toán khối lượng đào đắp tuyến và so sánh chọn phương án tuyến tối ưu để thiết kế kỹ thuật-bản vẽ thi công.

Đồ án thi công nền đường

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thiết kế tổ chức thi công đất nền đường đạt yêu cầu về chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu trong thiết kế tổng thể kết cấu nền mặt đường.

Đồ án thi công mặt đường

Học phần cung cấp cho SV kiến thức về các loại mặt đường mềm, mặt đường cứng hiện đang sử dụng trong nước và trên thế giới, công nghệ thi công và nghiệm thu các loại mặt đường này.

Đồ án thiết kế cầu BTCT

Thực hành tính toán thiết kế và kiểm tra công trình cầu dầm đơn giản bê tông cốt thép theo tiêu chuẩn hiện hành. Học phần này được học song hành với học phần Thiết

kế cầu Bê tông cốt thép, giúp sinh viên có thêm kiến thức lý thuyết để có thể liên hệ, áp dụng vào một công trình cụ thể theo số liệu ĐA

Đồ án thi công cầu

Giúp sinh viên thực hành tính toán thiết kế, tổ chức thi công các bộ phận của một công trình cầu cụ thể.

Tin học ứng dụng cầu

Học phần Tin học ứng dụng cầu là học phần chuyên ngành tiếp nối với học phần Thiết kế cầu bê tông. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và sự hiểu biết về các chương trình tính toán thiết kế cầu hiện nay

Khai thác và kiểm định cầu

Trang bị cho sinh viên những khái niệm, kiến thức cơ bản về khai thác, bảo quản và tu sửa cầu. Công tác kiểm định và gia cố các cầu cũ thuộc các loại khác nhau..

Tin học ứng dụng đường

Học phần này sẽ vận dụng những kiến thức lý thuyết của môn Thiết kế hình học đường, Vẽ kỹ thuật xây dựng để triển khai thiết kế một tuyến đường trong Đồ án Thiết kế hình học đường cũng như trong Đồ án tốt nghiệp và thực tế sau này.

Khai thác và thí nghiệm đường

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản công tác quản lý – khai thác đường ô tô các kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa đường; các phương pháp thí nghiệm cơ bản để kiểm soát chất lượng vật liệu xây dựng đường trước, trong và sau khi thi công, cũng như trong công tác đánh giá chất lượng sử dụng của tuyến đường ô tô trong quá trình khai thác

Giao thông đô thị và thiết kế đường phố

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức về trình tự tính toán và thiết kế một tuyến đường đô thị từ việc xác định qui mô, tính toán lựa chọn các chỉ tiêu kỹ thuật, thiết kế bình đồ, trắc dọc, trắc ngang, thoát nước và tổ chức GT

Thí nghiệm hiện trường công trình đường

Học phần này cung cấp những kiến thức, kỹ năng thao tác các thí nghiệm cơ bản nhất phục vụ trong quá trình thi công, nghiệm thu các công trình GT

Phân tích kết cấu công trình cầu

Phần mềm tích hợp hoàn chỉnh hỗ trợ thiết kế kết cấu cầu. Bằng sự kết hợp các tính năng phân tích kết cấu với các tính năng đặc biệt phân tích đặc biệt dành cho kỹ thuật cầu như phân tích theo giai đoạn thi công, phân tích động đất tĩnh và phân tích lịch sử thời gian phi tuyến, trong đó Midas Civil là công cụ thiết yếu để mô hình hóa, phân tích, thiết kế của các kỹ sư cầu.

Thực tập khảo sát thiết kế đường

Học phần giúp sinh viên hiểu và thực hiện được các công việc trong khảo sát, thiết



kế một tuyến đường ô tô; bao gồm: đo vẽ trắc dọc tuyến, trắc ngang, bình đồ tuyến; sử dụng kết quả khảo sát để thiết kế hoàn chỉnh tuyến đường phù hợp với cảnh quan xung quanh.

Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn

Học phần này sẽ bổ sung cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và phương pháp tính toán của một số cầu nhịp lớn như cầu dầm liên tục, cầu dây văng, cầu treo dây văng. Phương pháp thiết kế theo công nghệ thi công của cầu dầm liên tục bê tông cốt thép sẽ được hướng dẫn chi tiết trong học phần này.

Đồ án Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn

Đồ án này giúp sinh viên hiểu rõ cấu tạo cũng như nguyên tắc tính toán thiết kế, diễn biến nội lực của cầu dầm liên tục bê tông cốt thép theo qui trình, qui phạm hiện hành.

Công trình đường ô tô trong điều kiện địa chất đặc biệt

Học phần Công trình đường ô tô trong điều kiện địa chất đặc biệt cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân loại, nhận biết các loại nền đất yếu trong Xây dựng Công trình Giao thông. Xác định được các loại mất ổn định và nguyên nhân gây mất ổn định nền đường. Tổ chức thực hiện công tác khảo sát địa chất, tính toán thiết kế và lựa chọn được biện pháp xử lý nền đường đắp trên đất yếu.

Đồ án Công trình đường ô tô trong điều kiện địa chất đặc biệt

Học phần Đồ án Công trình đường ô tô trong điều kiện địa chất đặc biệt cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân loại, nhận biết các loại nền đất yếu trong Xây dựng Công trình Giao thông. Xác định được các loại mất ổn định và nguyên nhân gây mất ổn định nền đường. Tổ chức thực hiện công tác khảo sát địa chất, tính toán thiết kế và lựa chọn được biện pháp xử lý nền đường đắp trên đất yếu.

Quản lý giao thông đô thị bền vững

Học phần quản lý giao thông đô thị là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành chuyên sâu. Học phần này giới thiệu những vấn đề liên quan đến công tác quản lý hệ thống giao thông đô thị (GTĐT) hiện nay trên thế giới và trong nước. Nó cung cấp cho người học về các nội dung kiến thức mới và công cụ hiện đại được sử dụng trong hệ thống giao thông đô thị, cũng như khả năng áp dụng cho các đô thị Việt Nam theo định hướng phát triển xanh và bền vững. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể vận dụng các kiến thức đã học trong công tác tổ chức, quy hoạch, xây dựng chính sách về quản lý giao thông đô thị.

Môi trường và phát triển bền vững

Học phần Môi trường và phát triển bền vững thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần tự chọn bắt buộc được đào tạo trong chương trình Kỹ sư của ngành Kỹ thuật Cơ sở hạ tầng và ngành Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông. Học phần cung cấp

cho sinh viên những kiến thức về những kiến thức cơ bản về môi trường, gắn kết những vấn đề môi trường và phát triển bền vững trong ngành xây dựng nói chung và ngành giao thông vận tải nói riêng trên cơ sở phân tích mô hình phát triển không bền vững và phát triển bền vững hiện nay đang được xem xét trên thế giới. Học phần cũng giới thiệu định hướng chiến lược, mô hình tăng trưởng xanh và một số giải pháp cơ bản bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại Việt Nam trong ngành giao thông vận tải.

Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các công nghệ mới, xu hướng phát triển công nghệ trong nước và trên thế giới, khởi nghiệp và khởi nghiệp công nghệ. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về viết đề xuất dự án khởi nghiệp, quy trình khởi sự doanh nghiệp và các vấn đề liên quan. Đặc biệt, sinh viên có cơ hội nhận được những chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.

Kỹ năng lãnh đạo và quản lý

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lãnh đạo, quản lý như: Khái niệm, đặc trưng, vai trò, các phẩm chất và các phong cách lãnh đạo, quản lý. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng về lãnh đạo, quản lý như: Kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng xây dựng tổ chức, kỹ năng kiểm tra – đánh giá, kỹ năng điều hành, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng tạo động lực cho nhân viên, kỹ năng quản lý sự thay đổi... Sau khi học xong học phần này sẽ giúp sinh viên sẽ thay đổi nhận thức về lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao khả năng xây dựng chiến lược cho tổ chức, khả năng điều hành và động viên, khích lệ nhân viên góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc và trong cuộc sống sau này.

Sức khỏe công trình

Học phần này cung cấp cho người học những hệ thống các quy phạm, quy trình, kỹ năng thực hành, kỹ năng sử lý số liệu, thực hiện được các công tác thí nghiệm, đánh giá thường xuyên sức khỏe công trình.

Chuyên đề thiết kế và thi công cọc khoan nhồi

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cọc khoan nhồi: các phương pháp tính toán sức chịu tải của cọc, quy trình và biện pháp thi công, đánh giá kiểm tra chất lượng cọc. Ngoài ra học phần còn đưa ra các sự cố thường gặp khi thi công cọc khoan nhồi và biện pháp xử lý các sự cố đó.

Ngoại ngữ chuyên ngành nâng cao

Học phần Ngoại ngữ chuyên ngành nâng cao cung cấp cho sinh viên chuyên ngành công nghệ kỹ thuật giao thông một số chủ đề cơ bản trong chuyên môn, vốn từ vựng cần thiết, các mẫu câu và ngữ pháp thông dụng dùng trong trao đổi, trình bày các nội dung chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông.

Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư XC – đường

Đồ án tốt nghiệp kỹ sư XC- Đường là đồ án tổng hợp của Sinh viên (SV) ngành Công nghệ Kỹ thuật Giao thông, Đồ án tốt nghiệp trang bị cho người học các kiến thức về trình tự các bước lập dự án đầu tư một công trình đường ô tô từ bước chuẩn bị lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, dự toán đến thiết kế tổ chức thi công một công trình đường ô tô. Môn đồ án tốt nghiệp kiểm tra việc nắm vững toàn bộ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được trong suốt quá trình học và vận dụng vào dự án thực tế hay giả định. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư XC – cầu

Đồ án tốt nghiệp kỹ sư XC - Cầu là đồ án tổng hợp của Sinh viên (SV) ngành Công nghệ Kỹ thuật Giao thông, Đồ án tốt nghiệp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về việc thiết kế một công trình cầu thực tế. Môn đồ án tốt nghiệp kiểm tra việc nắm vững toàn bộ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được trong suốt quá trình học và vận dụng vào: lựa chọn sử dụng vật liệu, lập sơ đồ phân tích sơ bộ các phương án vượt sông; tính toán thiết kế kích thước các cấu kiện; lựa chọn vật liệu cho một công trình theo một nhiệm vụ thiết kế định trước, sao cho đảm bảo các yêu cầu về kinh tế và kỹ thuật.

III. ĐỘI NGŨ CBGD VÀ NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Danh sách đội ngũ giảng viên.

Các GV đảm nhiệm việc giảng dạy các HP cơ sở và chuyên ngành:

3.1.1. Danh sách các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
1	Ngô Thị My	1983	Nữ	GVC. ThS	Cầu đường	Thiết kế hình học đường ô tô, ĐA thiết kế hình học đường ô tô, Thiết kế nền mặt đường, Đồ án tốt nghiệp, Học kỳ doanh nghiệp, Thực tập nhận thức, Vật liệu Xây dựng, Dự toán công trình xây dựng
2	Bạch Quốc Sĩ	1971	Nam	GV. TS	Cầu đường	Chuyên đề vật liệu xây dựng, Thiết kế cầu BTCT, ĐA thiết kế cầu BTCT, Quản lý dự án công trình GT, Mô trụ cầu, Nền móng
3	Hồ Văn Quân	1977	Nam	GVC. PGS.TS	Cầu đường	Chuyên đề vật liệu xây dựng; Nền móng; Đồ án nền móng; Chuyên đề nền móng; Thi công đường, Đồ án TC đường, thực tập kỹ thuật XC,

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
						Khai thác và thí nghiệm đường, Thí nghiệm hiện trường công trình đường, Thiết kế và thi công công trên đường ô tô, Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt
4	Đặng Ngọc Thành	1988	Nam	GV. TS	Cầu đường	Phương pháp phân tử hữu hạn, Thiết kế cầu thép, Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn, Tin học ứng dụng cầu, Thực tập nhận thức, Sức khỏe công trình
5	Cao Thị Xuân Mỹ	1985	Nữ	GVC. ThS	Cầu đường	Cơ học đất, thi công đường, thực tập nhận thức, đồ án TN, Quản lý giao thông đô thị bền vững.
6	Huỳnh Võ Duyên Anh	1988	Nữ	GV. ThS	Cầu đường	Tổ chức và quản lý thi công, thiết kế nền mặt đường, Công trình đường ô tô trong vùng điều kiện địa chất đặc biệt
7	Nguyễn Văn Bảo Nguyên	1988	Nam	GV. TS	Cầu đường	Ngoại ngữ chuyên ngành nâng cao, TK cầu thép, Phân tích kết cấu công trình cầu; Thiết kế và thi công cầu nhịp lớn; Khai thác và kiểm định cầu
8	Trần Đức Long	1984	Nam	GV. TS	Cầu đường	Thi công cầu, ĐA thi công cầu, Cơ học kết cấu.
9	Phan Cao Thọ	1963	Nam	GVCC. PGS.TS	Cầu đường	Nhập môn ngành XD, thiết kế hình học đường ô tô, Giao thông đô thị và thiết kế đường phố, Môi trường và phát triển bền vững, Quản lý giao thông đô thị bền vững
10	Trần Thị Phương Huyền	1984	Nữ	GV.TS	Cầu đường	Cơ học đất, Ngoại ngữ chuyên ngành XD, Ngoại ngữ chuyên ngành nâng cao, Công trình đường ô tô trong điều kiện địa chất đặc biệt, Học kỹ doanh nghiệp XC
11	Nguyễn Hữu Tuấn	1982	Nam	GV. ThS	Cầu đường	Thực tập kỹ thuật XC, trắc địa, thực hành trắc địa, thi công cầu, thực tập khảo sát thiết kế đường, khai thác và kiểm định cầu

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
12	Trần Anh Quang	1984	Nam	GV.TS	Cầu đường	Nền móng, Thực tập kỹ thuật XC, Thí nghiệm cơ học đất
13	Trần Thanh Quang	1983	Nam	GV. ThS	Xây dựng DD&CN	Trắc địa, Thực hành trắc địa xây dựng, Thí nghiệm cơ học đất, Địa chất công trình
14	Lê Chí Phát	1986	Nam	GV. ThS	Xây dựng DD&CN	Kết cấu BTCT, Đồ án kết cấu BTCT
15	Lê Minh Thắng	1986	Nam	GV.TS	Xây dựng DD&CN	Nền móng, Đồ án nền móng; Chuyên đề nền móng, Cơ học đất; Thí nghiệm cơ học đất
16	Đoàn Vĩnh Phúc	1982	Nam	GV. ThS	Xây dựng DD&CN	An toàn lao động
17	Phan Nhật Long	1989	Nam	GV. ThS	Xây dựng DD&CN	Thí nghiệm cơ học, Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
18	Ngô Thanh Vinh	1980	Nam	GV. ThS	Xây dựng DD&CN	Nhập môn ngành xây dựng, Vật liệu xây dựng, Thí nghiệm vật liệu xây dựng, Kết cấu BTCT, Đồ án kết cấu BTCT
19	Mai Phước Ánh Tuyết	1988	Nữ	GV.ThS	Quản lý xây dựng	Luật xây dựng
20	Võ Thị Vỹ Phương	1986	Nữ	GVC. ThS	Kiến trúc	Vẽ kỹ thuật xây dựng, Vẽ xây dựng trên máy tính.
21	Nguyễn Phú Hoàng	1974	Nam	GV. ThS	Xây dựng DD&CN	Cơ học kết cấu – Hệ tĩnh định, Sức bền vật liệu, Nền móng, Đồ án nền móng
22	Nguyễn Tấn Khoa	1985	Nam	GV.TS	Xây dựng Thủy lợi	Toán ứng dụng, chuyên đề BIM ứng dụng trong XD, Thí nghiệm VLXD
23	Nguyễn Thế Dương	1979	Nam	PGS.TS	Xây dựng DD&CN	Sức bền vật liệu

3.1.2. Danh sách các giảng viên tham gia giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
1	Đinh Văn Trọng	1983	Nam	TS	Lịch sử	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
2	Đỗ Thị Hằng Nga	1981	Nữ	GVC. ThS	Lịch sử Đảng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
3	Lê Hữu Ái	1960	Nam	PGS.TS	Triết học	Triết học Mác-Lênin
4	Lê Văn Thao	1984	Nam	TS	Triết học	Triết học Mác-Lênin
5	Lưu Thị Mai Thanh	1978	Nữ	GVC. ThS	Triết học	Triết học Mác-Lênin

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh, trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhận
6	Nguyễn Thị Thanh Hà		Nữ	GVC. ThS		Pháp luật đại cương
7	Vương Phương Hoa	1977	Nữ	GVC. TS	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học
8	Nguyễn Thị Hải Yến	1981	Nữ	GVC. ThS	Toán-Tin	Giải tích I, Xác suất thống kê
9	Phan Quang Như Anh	1983	Nam	GVC. ThS	Toán	Giải tích I, Xác suất thống kê
10	Đinh Thị Thu Thảo	1972	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh A2.1, Tiếng Anh A2.2
11	Huỳnh Thị Bích Ngọc	1973	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh cơ bản
12	Võ Nguyễn Thùy Trang	1988	Nữ	GV.ThS	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh A2.1; A2.2; A2.3; B1.1; B1.2
13	Huỳnh Nhật Nam	1983	Nam	GV.ThS	Công nghệ thông tin	Tin học văn phòng, TH Tin học văn phòng
14	Hà Quốc Pháp	1988	Nam	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất I, II, III, IV

3.2. Các thiết bị thí nghiệm thực hành - phòng thí nghiệm - lab, phòng máy tính

3.2.1. Phòng thí nghiệm:

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng thí nghiệm Cầu đường	120	- Máy nén Marshall - Máy chế bị mẫu BTN - Cầm Ben kenman - Dụng cụ procto - Máy xác định độ hao mòn - Máy phân tách hàm lượng nhựa - Phễu rót cát - Thước 3m	1 1 1 5 1 2 3	Khai thác và thí nghiệm đường; thí nghiệm hiện trường công trình đường
2	Phòng thí nghiệm xây dựng	150	- Máy trộn bê tông - Máy nén bê tông - Máy kéo thép - Máy trộn vữa - Bộ sàng tự động - Máy tam liên	2 1 1 1 1 5	Thí nghiệm cơ học đất, thí nghiệm VLXD.

3.2.2. Xưởng thực hành:

Số T T	Tên phòng thí nghiệm, xưởng thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Xưởng thực hành kỹ thuật xây dựng	120	- Máy trộn bê tông - Máy uốn thép - Máy cắt thép - Dụng cụ phục vụ công tác Xây tô trát (bay, thước góc, thước nhôm, thước dây, bàn kéo, bàn xoay....)	2 1 1	Thực tập kỹ thuật XC

3.2.3. Phòng máy tính:

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần.
1	Phòng máy tính (Xưởng thực hành tin học xây dựng)	01	40m ²	Máy tính bàn: PC DELL INSPIRON 3647ST	40	TH Tin học đại cương; TH Tin học văn phòng Vẽ xây dựng trên máy tính TH Kỹ thuật lập trình Tin học ứng dụng đường; Tin học ứng dụng cầu; Phân tích kết cấu công trình cầu; Dự toán xây dựng
				Máy tính bàn PC DELL PRECISION T1700SFF	2	
				PROJECTOR	1	
				Hệ thống mạng LAN, Wifi, kết nối Internet.	1	
				Máy lạnh	2	
				Quạt	10	
				Camera Máy quay phim	1 1	Thực tập Nhận thức XC; Thực tập kỹ thuật XC

3.2.4. Các phương tiện phục vụ đào tạo khác của chuyên ngành: Không

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Hướng dẫn thực hiện chung

Tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện phù hợp với bản đặc tả chương trình đào tạo này. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật hàng năm (thường là những thay đổi nhỏ như chính sách tuyển sinh, đề cương học phần, tài liệu giảng dạy và học tập) và rà soát 2 năm một lần (chủ yếu xem xét lại chuẩn đầu ra của chương trình, thêm hoặc bỏ bớt các học phần) để đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Trường để xem xét và phê chuẩn theo quy định hiện hành.

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ, vì vậy:

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

4.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.
- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.
- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.
- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.
- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 9 năm 2025

BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Thị Phương Huyền TS.KTS. Phan Tiến Vinh TS. Nguyễn Linh Nam